

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý Hợp tác xã,
Tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

CÔNG VĂN BẢN SỐ _____

Ngày... tháng... năm...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Tổ hợp tác;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Tổ hợp tác;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký Hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của Hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 83/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Hợp tác xã;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 485/TTr-SKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế phối hợp quản lý Hợp tác xã và Tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm tổ chức phối hợp và triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế phối hợp quản lý Hợp tác xã và Tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 3 năm 2016.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (B/c);
- Các Bộ: KH&ĐT; NN&PTNT; TC;
- Liên minh HTX Việt Nam;
- Cục KT VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Tỉnh đoàn Đắk Lắk;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT - Công báo;
- Lưu: VT, TCTM (TVT – 65 b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

QUY CHẾ PHỐI HỢP

Quản lý Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

*(Ban hành theo Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

Chương I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong công tác quản lý đối với Hợp tác xã và Tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, bao gồm việc thanh tra, kiểm tra Hợp tác xã, Tổ hợp tác sau đăng ký thành lập và hoạt động; nội dung và trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về Hợp tác xã, Tổ hợp tác; báo cáo tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác sau khi thành lập và tổ chức hoạt động; xử lý các Hợp tác xã yếu kém, tồn tại hình thức, bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã do vi phạm pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân (sau đây gọi chung là Hợp tác xã) thành lập và tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Các Tổ hợp tác được thành lập và tổ chức hoạt động theo quy định của Bộ luật Dân sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).

3. Sở, ban, ngành có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh Đắk Lắk.

4. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức và quản lý hoạt động của Hợp tác xã và Tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Mục tiêu của việc phối hợp trong quản lý Hợp tác xã, Tổ hợp tác

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác sau đăng ký thành lập và hoạt động theo hướng: đảm bảo sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý hoạt động kinh doanh của Hợp tác xã, Tổ hợp tác; phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong công tác quản lý nhà nước đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác.

2. Đảm bảo quyền tự do kinh doanh của Hợp tác xã, Tổ hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho Hợp tác xã, Tổ hợp tác thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

3. Phản ánh kịp thời và chính xác các thông tin về tình hình hoạt động của Hợp tác xã, Tổ hợp tác; cung cấp thông tin về Hợp tác xã, Tổ hợp tác cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Kịp thời phát hiện và xử lý những hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh doanh của Hợp tác xã, Tổ hợp tác.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác phải được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý Hợp tác xã, Tổ hợp tác theo từng ngành, lĩnh vực, địa bàn hoạt động kinh doanh của Hợp tác xã, Tổ hợp tác. Mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của Hợp tác xã, Tổ hợp tác theo từng ngành, lĩnh vực, địa bàn tương ứng.

2. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin Hợp tác xã, Tổ hợp tác phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin Hợp tác xã, Tổ hợp tác phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin về Hợp tác xã, Tổ hợp tác phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra Hợp tác xã, Tổ hợp tác phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của Hợp tác xã, Tổ hợp tác.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi cho Hợp tác xã, Tổ hợp tác hoạt động.

Chương II.

XỬ LÝ HỢP TÁC XÃ YẾU KÉM, HỢP TÁC XÃ TỒN TẠI HÌNH THỨC, HỢP TÁC XÃ VI PHẠM PHÁP LUẬT THUỘC TRƯỜNG HỢP BỊ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Điều 5. Đánh giá, phân loại Hợp tác xã yếu kém, Hợp tác xã tồn tại hình thức

1. Hợp tác xã được coi là yếu kém là những Hợp tác xã hiện đang tồn tại một trong những vấn đề như sau:

- a) Kinh doanh thua lỗ kéo dài.
- b) Không thu hồi được các khoản nợ đọng dẫn đến không còn vốn để hoạt động.
- c) Tài sản, vốn hoạt động còn rất ít nên không có khả năng tiếp tục đầu tư phát triển, không đủ chi phí trả lương cho cán bộ quản lý.
- d) Điều kiện sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã gặp khó khăn, không thể tiếp tục hoạt động.
- đ) Khi thành lập, Hợp tác xã không có phương án sản xuất kinh doanh phù hợp; không khảo sát thị trường đầu vào và đầu ra nên khi bắt đầu đi vào hoạt động thì Hợp tác xã gặp khó khăn, lúng túng trong chỉ đạo điều hành.
- e) Thành viên tham gia Hợp tác xã không góp đủ vốn như đăng ký hoặc chỉ góp một phần nhỏ, làm cho Hợp tác xã không có nguồn vốn để hoạt động.
- g) Cán bộ quản lý Hợp tác xã hạn chế về năng lực, kiến thức, không có khả năng điều hành Hợp tác xã.
- h) Hợp tác xã kinh doanh điện đã bàn giao lưới điện cho ngành điện nhưng chưa giải quyết xong các vướng mắc, nợ nần và trong thực tế không hoạt động.
- i) Hợp tác xã có các khoản nợ từ rất nhiều năm trước không thể xử lý được.
- k) Hợp tác xã vẫn hoạt động bình thường nhưng không tổ chức đại hội thành viên thường kỳ hàng năm.

2. Hợp tác xã được coi là chỉ tồn tại hình thức là những Hợp tác xã tồn tại trên danh nghĩa, không còn hoạt động trên thực tế, nhưng chưa thực hiện việc giải thể và hiện đang lâm vào một trong các tình trạng sau đây:

- a) Sau thời hạn mười hai tháng, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã mà không tiến hành hoạt động;
- b) Hoạt động như một doanh nghiệp hoặc như của một gia đình;
- c) Ngừng hoạt động trong mười hai tháng liên tục;
- d) Không tổ chức được Đại hội thành viên thường kỳ trong thời hạn mười tám tháng liên tục mà không có lý do chính đáng.

3. Việc đánh giá, phân loại Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 6. Các giải pháp xử lý Hợp tác xã yếu kém, tồn tại hình thức

1. Trường hợp Hợp tác xã yếu kém nhưng còn khả năng củng cố, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi Hợp tác xã đặt trụ sở chính, thành lập Đoàn công tác hoặc Tổ công tác tiến hành làm việc với Hội đồng quản trị hoặc Ban quản trị Hợp tác xã để hướng dẫn và thống nhất chủ trương, mục đích, yêu cầu và các biện pháp tiến hành củng cố Hợp tác xã.

2. Trường hợp Hợp tác xã yếu kém, tồn tại hình thức không còn khả năng củng cố thì phải tiến hành giải thể theo thủ tục giải thể tự nguyện hoặc bắt buộc phải giải thể, nếu lâm vào tình trạng phá sản thì phải tiến hành thủ tục phá sản theo quy định của Luật phá sản.

Điều 7. Giải thể Hợp tác xã

1. Trường hợp Hợp tác xã giải thể tự nguyện thì thủ tục giải thể được tiến hành theo trình tự quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

2. Trình tự, thủ tục giải thể bắt buộc đối với Hợp tác xã (không bao gồm liên hiệp Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân) thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Hợp tác xã được tiến hành như sau:

a) Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố nơi Hợp tác xã đăng ký, trình hồ sơ giải thể bắt buộc Hợp tác xã đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét, giải quyết. Trường hợp Hợp tác xã đăng ký tại Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thì Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư bàn giao hồ sơ đăng ký Hợp tác xã cho Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi Hợp tác xã đặt trụ sở, để Phòng Tài chính – Kế hoạch tiếp nhận và trình hồ sơ giải thể bắt buộc Hợp tác xã đến Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, giải quyết.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định giải thể và thành lập Hội đồng giải thể bắt buộc Hợp tác xã, tạm giữ giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, đồng thời thông báo quyết định thành lập Hội đồng giải thể tới Hợp tác xã;

c) Hội đồng giải thể xem xét điều kiện thực hiện việc giải thể bắt buộc đối với Hợp tác xã, cụ thể như sau:

- Trong trường hợp Đại hội thành viên Hợp tác xã ban hành Nghị quyết về việc tự nguyện giải thể Hợp tác xã thì Hội đồng giải thể báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, chấm dứt thực hiện việc giải thể bắt buộc và ban hành quyết định chấm dứt hoạt động của Hội đồng giải thể;

- Trong trường hợp xét thấy Hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, Hội đồng giải thể báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, thông báo đến các đối tượng có quyền và nghĩa vụ, nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định của Luật phá sản, đại diện hợp pháp của Hợp tác xã, để những đối tượng này biết,

thực hiện quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền mở thủ tục phá sản đối với Hợp tác xã theo quy định của Luật phá sản, đồng thời ban hành quyết định chấm dứt hoạt động của Hội đồng giải thể.

- Nếu Hợp tác xã không thuộc hai trường nêu trên thì Hội đồng giải thể trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định giải thể bắt buộc đối với Hợp tác xã và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng giải thể theo quy định.

d) Hội đồng giải thể có trách nhiệm thực hiện các công việc được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 54 Luật Hợp tác xã trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ra quyết định giải thể bắt buộc và lập biên bản hoàn thành việc giải thể;

đ) Kinh phí giải thể được lấy từ các nguồn tài chính còn lại của Hợp tác xã. Trường hợp không đủ kinh phí thì kiến nghị lên Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét, giải quyết.

3. Việc giải thể bắt buộc đối với liên hiệp Hợp tác xã và Quỹ tín dụng nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng giải thể bắt buộc Hợp tác xã

1. Thành phần hội đồng giải thể gồm:

a) Đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng giải thể;

b) Đại diện Phòng Tài chính – Kế hoạch làm Ủy viên thường trực Hội đồng giải thể;

c) Đại diện của cơ quan nhà nước chuyên ngành cấp huyện; tổ chức đại diện, Liên minh Hợp tác xã tỉnh (nếu Hợp tác xã là thành viên của tổ chức đại diện, Liên minh HTX tỉnh); Ủy ban nhân dân cấp xã nơi hợp tác xã đóng trụ sở; Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, thành viên, Hợp tác xã thành viên làm ủy viên khác của Hội đồng giải thể.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng giải thể:

a) Xem xét điều kiện thực hiện việc giải thể bắt buộc đối với Hợp tác xã;

b) Thông báo việc giải thể hợp tác xã trên Báo Đắc Lắc, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh hoặc Đài truyền thanh cấp huyện trong 03 số liên tiếp;

c) Thông báo tới các tổ chức, cá nhân có liên quan với Hợp tác xã về việc giải thể và thời hạn thanh toán nợ, thanh lý các hợp đồng và xử lý các nội dung có liên quan khác;

d) Xử lý tài sản, vốn và thanh toán các khoản nợ của Hợp tác xã theo quy định tại Điều 49 Luật Hợp tác xã;

đ) Lập biên bản hoàn thành việc giải thể;

e) Ngay sau khi hoàn thành các nội dung quy định tại điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này, hội đồng giải thể nộp một bộ hồ sơ về việc giải thể Hợp tác xã gồm: Quyết định giải thể bắt buộc, con dấu và bản gốc giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Biên bản hoàn thành việc giải thể đến Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện để xử lý, xóa tên Hợp tác xã trong sổ đăng ký, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã theo quy định;

g) Hội đồng giải thể chấm dứt hoạt động khi cơ quan đăng ký Hợp tác xã thông báo về việc giải thể Hợp tác xã.

Điều 9. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã

1. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký Hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của Hợp tác xã.

2. Trường hợp Hợp tác xã lợi dụng danh nghĩa Hợp tác xã để hoạt động trái pháp luật; hoạt động trong các ngành, nghề mà pháp luật cấm; hoạt động trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; không đăng ký mã số thuế trong thời hạn 01 năm, kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký; chuyển trụ sở chính sang địa phương khác với nơi đăng ký trong thời hạn 01 năm mà không đăng ký. Ngoài việc thực hiện các quy định về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã theo quy định như trên, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Cung cấp thông tin vi phạm: Trong quá trình quản lý, kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh, nếu phát hiện Hợp tác xã có hành vi vi phạm pháp luật nêu trên, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở, ngành, cơ quan điều tra, thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm đình chỉ ngay hoạt động vi phạm, xử lý theo thẩm quyền và thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh Hợp tác xã;

b) Kiểm tra, xác minh thông tin vi phạm: Khi nhận được thông tin do các tổ chức, cá nhân phản ánh về vi phạm của Hợp tác xã, nếu xét thấy cần thiết phải tiến hành xác minh trước khi ra thông báo về việc vi phạm của Hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã và ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan đăng ký Hợp tác xã có thể mời các cơ quan có liên quan như: cơ quan thuế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở quản lý chuyên ngành,... tham dự cuộc họp liên ngành để xác định hành vi vi phạm của Hợp tác xã. Kết quả cuộc họp phải được thể hiện bằng biên bản.

c) Thông báo hành vi vi phạm: Khi có đủ căn cứ xác định Hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, cơ quan đăng

ký kinh doanh Hợp tác xã thông báo, công bố hành vi vi phạm của Hợp tác xã bằng các hình thức sau:

- Gửi thông báo đến địa chỉ trụ sở của Hợp tác xã và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi Hợp tác xã đặt trụ sở;

- Đăng thông báo trên trang thông tin điện tử (website) của Ủy ban nhân dân cấp huyện và của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

d) Hồ sơ thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã phải có các giấy tờ sau:

- Văn bản thông báo hoặc kết luận của cơ quan có thẩm quyền về vi phạm của Hợp tác xã;

- Tài liệu chứng thực việc cơ quan đăng ký kinh doanh đã thông báo về vi phạm của Hợp tác xã;

- Các tài liệu khác liên quan đến xác định hành vi vi phạm của Hợp tác xã (nếu có).

đ) Trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh phải gửi quyết định đến địa chỉ Trụ sở Hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã và cơ quan thuế, cơ quan thống kê, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi Hợp tác xã đặt trụ sở chính, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Kế hoạch và Đầu tư trong trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký của liên hiệp Hợp tác xã.

Chương III.

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC PHỐI HỢP QUẢN LÝ HỢP TÁC XÃ VÀ TỔ HỢP TÁC

Điều 10. Trách nhiệm chung của các Sở, ngành cấp tỉnh trong phối hợp quản lý đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác

1. Thực hiện quản lý nhà nước đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh theo nhiệm vụ được phân công.

2. Hướng dẫn và thực hiện các nội dung quản lý nhà nước chuyên ngành đối với Hợp tác xã và Tổ hợp tác theo quy định của Luật Hợp tác xã, Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Tổ hợp tác; và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Nghiên cứu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp, chính sách hỗ trợ Hợp tác xã, Tổ hợp tác theo quy định của pháp luật và thẩm quyền được giao phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa

phương; tạo điều kiện thuận lợi cho Hợp tác xã, Tổ hợp tác tham gia vào các Chương trình mục tiêu, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Phổ biến, hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp luật có liên quan đến Hợp tác xã, Tổ hợp tác và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan khác.

5. Xây dựng hoặc hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác. Trực tiếp tiến hành hoặc hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thanh tra, kiểm tra hoạt động Hợp tác xã, Tổ hợp tác theo thẩm quyền quy định.

6. Phối hợp, hỗ trợ Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên ở các cấp, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội trong việc tổ chức thi hành pháp luật về Hợp tác xã, Tổ hợp tác; triển khai các Chương trình, dự án phát triển Hợp tác xã, Tổ hợp tác; khuyến khích thành viên của tổ chức mình tham gia thành lập Hợp tác xã, Tổ hợp tác.

7. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các phòng ban chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, có trách nhiệm phối hợp với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trong giải quyết việc đăng ký kinh doanh và cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Hợp tác xã, chứng thực hợp đồng hợp tác cho Tổ hợp tác theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm hành vi cản trở, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện quyền thành lập Hợp tác xã, Tổ hợp tác.

Điều 11. Trách nhiệm phối hợp thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật của Hợp tác xã, Tổ hợp tác

1. Các Sở, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch hàng năm hoặc đột xuất; tiến hành xử lý, kiến nghị xử lý hành vi vi phạm của Hợp tác xã, Tổ hợp tác. Trường hợp thực hiện việc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch phải đảm bảo nguyên tắc trong một năm chỉ được thanh tra, kiểm tra tối đa một lần đối với một Hợp tác xã, Tổ hợp tác, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; đối tượng kiểm tra phải được mở rộng theo thứ tự luân phiên, không tập trung vào một số đối tượng cố định. Trường hợp tiến hành thanh tra, kiểm tra nhiều nội dung khác nhau đối với cùng một đơn vị thì

phải thực hiện cùng một thời điểm theo hình thức đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành để giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Hợp tác xã, Tổ hợp tác. Kế hoạch thanh tra, kiểm tra phải được gửi đến cơ quan Thanh tra cùng cấp để tổng hợp, theo dõi.

2. Khi phát hiện Hợp tác xã, Tổ hợp tác có hành vi vi phạm pháp luật, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải đình chỉ hoặc kiến nghị người có thẩm quyền đình chỉ ngay hành vi vi phạm và tiến hành xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật, đồng thời gửi văn bản xử lý vi phạm hành chính đến cơ quan đăng ký kinh doanh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Hợp tác xã, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chứng thực hợp đồng hợp tác cho Tổ hợp tác trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản xử lý vi phạm. Trong trường hợp phát hiện Hợp tác xã vi phạm các quy định tại Điều 56 Luật Hợp tác xã, cơ quan xử lý vi phạm phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cho Hợp tác xã biết về việc vi phạm đó trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện việc vi phạm đó, kèm theo hồ sơ xác định vi phạm để có căn cứ xem xét, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác và đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi Hợp tác xã đang hoạt động.

3. Trường hợp Hợp tác xã, Tổ hợp tác vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh, cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cho Hợp tác xã, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chứng thực hợp đồng hợp tác cho Tổ hợp tác biết việc vi phạm, kèm theo hồ sơ xác định vi phạm để có căn cứ yêu cầu Hợp tác xã, Tổ hợp tác đó đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định hoặc yêu cầu ngừng kinh doanh ngành, nghề không đủ điều kiện.

Điều 12. Trách nhiệm cụ thể của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trong phối hợp quản lý Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Hướng dẫn Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã theo đúng quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai công tác chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các cơ quan quản lý nhà nước về Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp nhu cầu và xây dựng kế hoạch hỗ trợ hàng năm về phát triển kinh tế tập thể theo các nội dung, chương trình

của Trung ương ban hành; lập dự toán và tổng hợp chung trong dự toán của tỉnh hàng năm, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ chuyên ngành tổng hợp;

d) Chủ trì, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý Hợp tác xã yếu kém, tồn tại hình thức trên địa bàn;

đ) Nghiên cứu, tổ chức thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã; chứng thực hợp đồng hợp tác cho Tổ hợp tác;

e) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, nghiên cứu, đề xuất triển khai thực hiện chính sách ưu đãi đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác theo quy định; định kỳ hàng năm và giai đoạn 5 năm nghiên cứu xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để tổ chức thực hiện;

g) Chỉ đạo Phòng Đăng ký kinh doanh tổng hợp, báo cáo quý và năm về kết quả đăng ký và tình hình hoạt động của Hợp tác xã gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đôn đốc các liên hiệp Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn thực hiện các nghĩa vụ thông báo, báo cáo theo quy định của pháp luật;

h) Tổng hợp số lượng và tình hình hoạt động của Tổ hợp tác trên địa bàn theo Mẫu THT5 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ; báo cáo định kỳ 6 tháng và cả năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành có liên quan trước ngày 25 tháng 7 và 25 tháng 01 hàng năm, đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Sở Tài chính:

a) Thường xuyên hướng dẫn việc thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác theo quy định của pháp luật;

b) Kiểm tra tài chính Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn khi thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật về tài chính, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền về những biện pháp ngăn ngừa và xử lý kịp thời những vi phạm pháp luật về tài chính;

c) Định kỳ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của Hợp tác xã, Tổ hợp tác hàng năm và đề xuất các giải pháp về cơ chế chống thất thu, tăng thu cho ngân sách tỉnh, tham mưu

điều chỉnh các khoản phí, lệ phí thu từ Hợp tác xã, Tổ hợp tác cho phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương và quy định của pháp luật;

d) Kịp thời bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch hỗ trợ kinh tế tập thể hàng năm do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Cục Thuế tỉnh:

a) Cung cấp kịp thời mã số thuế cho Hợp tác xã và đơn vị trực thuộc của Hợp tác xã theo quy định của pháp luật theo hướng nhanh chóng và thuận tiện, tạo điều kiện cho Hợp tác xã gia nhập thị trường, tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh;

b) Tiếp nhận, sao gửi thông tin về Hợp tác xã do cơ quan đăng ký hợp tác xã cung cấp theo quy định tại Quy chế này cho các đơn vị theo dõi, quản lý trong ngành thuế;

c) Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo thẩm quyền và thông báo cho cơ quan đăng ký Hợp tác xã, Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực hợp đồng hợp tác cho Tổ hợp tác; gửi danh sách Hợp tác xã bị thu hồi mã số thuế hoặc không hoạt động ở nơi trụ sở đăng ký cho các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để phối hợp xử lý theo quy định;

d) Tiến hành kiểm tra quyết toán thuế đối với Hợp tác xã có hồ sơ giải thể trong thời gian quy định của pháp luật;

đ) Định kỳ 6 tháng phối hợp với cơ quan đăng ký Hợp tác xã rà soát, đối chiếu danh sách Hợp tác xã không kê khai báo cáo thuế với danh sách Hợp tác xã đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Định kỳ hàng năm thông báo cho Công an tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện danh sách Hợp tác xã không tiến hành hoạt động kinh doanh liên tục trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, hoạt động không đúng nội dung đăng ký kinh doanh, không đúng địa chỉ đã đăng ký và danh sách các Hợp tác xã còn nợ đọng thuế;

e) Chỉ đạo Chi cục Thuế các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Rà soát và đối chiếu danh sách Hợp tác xã đang hoạt động trên địa bàn với thông tin về Hợp tác xã do Cục Thuế tỉnh chuyển đến quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này;

- Định kỳ báo cáo Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tình hình thực hiện việc đăng ký, kê khai, nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Hợp tác xã, và Tổ hợp tác trên địa bàn;

- Thực hiện những nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Công an tỉnh:

a) Chỉ đạo các lực lượng chức năng thuộc Công an tỉnh tiến hành xác minh, điều tra và xử lý theo quy định khi kiểm tra, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật của Hợp tác xã, Tổ hợp tác hoạt động trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ động đình chỉ hoạt động của Hợp tác xã, Tổ hợp tác khi phát hiện có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật như: lợi dụng danh nghĩa Hợp tác xã, Tổ hợp tác để hoạt động trái pháp luật, hoạt động ngành, nghề bị cấm đầu tư kinh doanh hoặc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện mà không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; đồng thời thông báo cho cơ quan đăng ký Hợp tác xã và các cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm của Hợp tác xã, Tổ hợp tác;

c) Chỉ đạo các lực lượng chức năng thuộc Công an tỉnh tiến hành các biện pháp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã theo quyết định của cơ quan đăng ký Hợp tác xã;

d) Chỉ đạo phòng chuyên môn cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho Hợp tác xã một cách thuận lợi nhất, theo quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với cơ quan đăng ký Hợp tác xã trong việc xác nhận hủy con dấu của Hợp tác xã giải thể; hỗ trợ Hợp tác xã trong việc trao trả con dấu cho đối tượng quản lý hợp pháp, khi con dấu bị chiếm đoạt, sử dụng trái quy định của pháp luật.

Các Sở, ngành và tổ chức, cá nhân liên quan, có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh trong quá trình điều tra, xử lý các Hợp tác xã, Tổ hợp tác vi phạm quy định của pháp luật.

5. Thanh tra tỉnh:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức hướng dẫn cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh đúng quy định của pháp luật và đảm bảo theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy chế này;

c) Tổ chức thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra tỉnh và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc quản lý nhà nước đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác;

đ) Hướng dẫn và thực hiện việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các vấn đề liên quan đến Hợp tác xã, Tổ hợp tác theo quy định của pháp luật.

6. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh:

Thanh tra, kiểm tra, giám sát các Quỹ tín dụng nhân dân nhằm đảm bảo sự phát triển an toàn, lành mạnh của các Quỹ tín dụng nhân dân; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền và khách hàng của Quỹ tín dụng nhân dân; bảo đảm việc chấp hành chính sách, pháp luật về tiền tệ và tín dụng của các Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Tổ chức hướng dẫn việc đặt tên Hợp tác xã trước khi đăng ký kinh doanh, để tránh trường hợp tên Hợp tác xã vi phạm quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

b) Xử lý theo thẩm quyền quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ đối với Hợp tác xã có tên vi phạm quyền sở hữu công nghiệp sau khi nhận được thông báo của cơ quan đăng ký Hợp tác xã trong trường hợp Hợp tác xã có tên vi phạm không thay đổi tên theo quy định;

c) Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, xác minh các vụ việc vi phạm đối tượng sở hữu công nghiệp đối với các sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên địa bàn tỉnh, đề kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định.

8. Sở Nội vụ:

a) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, UBND cấp xã triển khai công tác cải cách hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hợp tác xã, Tổ hợp tác theo chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh đã được phê duyệt;

b) Giám sát việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông giải quyết các thủ tục cho Hợp tác xã, Tổ hợp tác tại các cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Nghiên cứu và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước trong việc giải quyết các thủ tục cho Hợp tác xã, Tổ hợp tác;

d) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, tổ chức các phong trào thi đua trong Hợp tác xã, Tổ hợp tác; phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong Hợp tác xã, Tổ hợp tác; tổ chức thực hiện chính sách khen thưởng của Đảng và Nhà nước đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác; hướng dẫn, tổ chức và trao tặng các hình thức khen thưởng cho Hợp tác xã, Tổ

hợp tác và các cá nhân trong Hợp tác xã, Tổ hợp tác theo quy định của pháp luật;

đ) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các cấp, ngành thực hiện việc củng cố tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm ở cấp tỉnh và cấp huyện để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về Hợp tác xã, Tổ hợp tác, bảo đảm đủ cán bộ thực hiện việc nhiệm vụ đăng ký Hợp tác xã.

9. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành:

Các Sở: Công Thương, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa - Thể thao và Du lịch (sau đây gọi chung là cơ quan quản lý chuyên ngành) trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công quản lý có trách nhiệm:

a) Chủ động trong công tác quản lý Hợp tác xã, Tổ hợp tác hoạt động theo ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật được phân công theo thẩm quyền;

b) Tổng hợp, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, Tổ hợp tác trong phạm vi thẩm quyền; tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, Tổ hợp tác;

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra Hợp tác xã, Tổ hợp tác và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật đối với các Hợp tác xã, Tổ hợp tác hoạt động theo ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật được phân công theo thẩm quyền;

d) Tổ chức hướng dẫn Hợp tác xã, Tổ hợp tác thực hiện đầy đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn tương ứng của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành; trực tiếp xử lý hoặc kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm các quy định về quản lý nhà nước trong việc thực hiện các quy định về điều kiện kinh doanh của Hợp tác xã, Tổ hợp tác. Thông báo cho cơ quan đăng ký Hợp tác xã và cơ quan có thẩm quyền việc chấp hành các điều kiện kinh doanh của Hợp tác xã, Tổ hợp tác đối với những ngành, nghề kinh doanh có yêu cầu về điều kiện sau khi đăng ký theo ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật được phân công theo thẩm quyền;

đ) Xây dựng báo cáo về số liệu và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã, Tổ hợp tác hoạt động trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, cũng như các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác;

e) Tổ chức cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép kinh doanh và các loại giấy tờ khác liên quan đến điều kiện kinh doanh của Hợp tác xã, Tổ hợp tác theo quy định của pháp luật và theo quy hoạch, kế hoạch và định hướng phát triển ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và ban hành. Hướng dẫn và giám sát Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được quản lý theo chuyên ngành, trong việc thực hiện các quy định về điều kiện kinh doanh đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn;

g) Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác, bao gồm: tuyên truyền phát triển kinh tế tập thể; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho Hợp tác xã, Tổ hợp tác; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới; tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã; tạo điều kiện cho Hợp tác xã, Tổ hợp tác tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; thành lập mới Hợp tác xã, đăng ký lại Hợp tác xã; xây dựng mô hình Hợp tác xã, Tổ hợp tác điển hình tiên tiến; trong đó tập trung thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi cho Hợp tác xã, Tổ hợp tác về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; giao đất, cho thuê đất để phục vụ hoạt động của Hợp tác xã theo quy định của pháp luật về đất đai; ưu đãi về tín dụng, vốn; ưu đãi về cây, con giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh.

10. Liên minh Hợp tác xã tỉnh:

a) Triển khai công tác đào tạo nguồn nhân lực cho Hợp tác xã, Tổ hợp tác theo kế hoạch hàng năm;

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền phát triển kinh tế tập thể, mô hình Hợp tác xã kiểu mới;

c) Tham gia xây dựng cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể; phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đối với kinh tế tập thể;

d) Hướng dẫn củng cố các Hợp tác xã hiện có, tổ chức giới thiệu các Hợp tác xã điển hình hoặc giới thiệu mô hình Hợp tác xã, Tổ hợp tác làm ăn có hiệu quả; có các giải pháp nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ và bộ máy quản lý Hợp tác xã, Tổ hợp tác;

đ) Tổng kết, nhân rộng điển hình tiên tiến, phát động phong trào thi đua trong Hợp tác xã, Tổ hợp tác; tổ chức triển khai công tác giáo dục pháp luật đối với cán bộ quản lý Hợp tác xã, Tổ hợp tác;

e) Xây dựng kế hoạch hàng năm và nhu cầu kinh phí để tham gia thực hiện công tác tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ thành lập, phát triển Hợp tác xã, Tổ

hợp tác; bồi dưỡng cán bộ, thành viên Hợp tác xã, Tổ hợp tác; xây dựng mô hình Hợp tác xã, Tổ hợp tác, xúc tiến thương mại trong phạm vi đối tượng thành viên Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

11. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện quản lý nhà nước đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác hoạt động trên địa bàn;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Hợp tác xã, Tổ hợp tác; vận động cá nhân, tổ chức tham gia thành lập Hợp tác xã, Tổ hợp tác; tạo điều kiện thuận lợi để Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn tham gia vào các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

c) Triển khai công tác đánh giá, phân loại và xử lý các Hợp tác xã yếu kém, tồn tại hình thức trên địa bàn;

d) Xử lý vi phạm của Hợp tác xã, Tổ hợp tác theo thẩm quyền và thông báo cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý;

đ) Trực tiếp hoặc chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức hướng dẫn cho Hợp tác xã, Tổ hợp tác về điều kiện kinh doanh; thực hiện các quy định về các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và hướng dẫn tương ứng của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý theo chuyên ngành; trực tiếp xử lý hoặc kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm các quy định về quản lý nhà nước trong việc thực hiện các quy định về điều kiện kinh doanh của Hợp tác xã, Tổ hợp tác;

e) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thực hiện chứng thực hợp đồng hợp tác cho Tổ hợp tác đúng quy định của pháp luật;

g) Chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các chế độ tài chính, kế toán của Hợp tác xã trên địa bàn theo quy định của pháp luật; đôn đốc các Hợp tác xã trên địa bàn thực hiện các nghĩa vụ thông báo, báo cáo theo quy định của pháp luật;

h) Xây dựng hệ thống thông tin Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn, cập nhật và duy trì thông tin Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên trang thông tin điện tử (website) của Ủy ban nhân dân cấp huyện; chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế hoạch và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chứng thực cho Tổ hợp tác thực hiện cung cấp thông tin về Hợp tác xã, Tổ hợp tác cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật;

i) Hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình thực hiện nhiệm vụ theo các nội dung:

- Tình hình tổ chức thực hiện Luật Hợp tác xã, Nghị định số 151/2007/NĐ-CP;

- Tình hình chấp hành và vi phạm pháp luật của Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn;

- Những biện pháp nhằm tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Hợp tác xã, Tổ hợp tác;

k) Định kỳ hàng năm và theo từng giai đoạn xây dựng, ban hành kế hoạch phát triển Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn;

l) Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc phối hợp, xác minh thông tin về Hợp tác xã và Tổ hợp tác trên địa bàn;

m) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên ngành tiến hành kiểm tra Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn về việc chấp hành các nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, hợp đồng chứng thực Tổ hợp tác và các hoạt động theo giấy phép chuyên ngành, thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm (nếu có) cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

n) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi danh sách Hợp tác xã, Tổ hợp tác đã đăng ký tháng trước cho cơ quan thuế cùng cấp, cơ quan quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi Hợp tác xã đăng ký theo định kỳ vào tuần thứ nhất hàng tháng. Ở những nơi có điều kiện về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin thì có thể thực hiện việc trao đổi thông tin về Hợp tác xã, Tổ hợp tác qua mạng điện tử;

o) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp, báo cáo tháng và năm về kết quả đăng ký và tình hình hoạt động Hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; gửi Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư và các phòng, ban chuyên môn cấp huyện đúng thời gian quy định;

p) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp số lượng và tình hình hoạt động của Tổ hợp tác trên địa bàn theo Mẫu THT5 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; báo cáo định kỳ 6 tháng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở quản lý chuyên ngành có liên quan trước ngày 15 tháng 7 và 15 tháng 01 hàng năm.

12. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Thực hiện việc chứng thực hợp đồng hợp tác cho Tổ hợp tác đúng quy định của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập và hoạt động của Tổ hợp tác, nhằm khuyến khích nhiều Tổ hợp tác ra đời, góp phần xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, cải thiện và nâng cao đời sống của các tổ viên Tổ hợp tác;

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc Hợp tác xã vi phạm quy định về trụ sở, biển hiệu; Hợp tác xã có thông báo tạm ngừng kinh doanh, giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã mà vẫn hoạt động;

c) Phối hợp xác minh, thông tin về Hợp tác xã trên địa bàn theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Phát hiện và phản ánh kịp thời những sai phạm của Hợp tác xã, Tổ hợp tác đóng trên địa bàn đến các cơ quan chức năng, để kịp thời xử lý theo quy định;

đ) Đôn đốc các Tổ hợp tác trên địa bàn thực hiện các nghĩa vụ thông báo, báo cáo theo quy định của pháp luật;

e) Thông tin đầy đủ, kịp thời; hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho Tổ hợp tác được hưởng các chính sách hỗ trợ và tham gia xây dựng, thực hiện các kế hoạch, chương trình, dự án hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể; kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm và xóa đói giảm nghèo ở địa phương;

g) Tổng hợp số lượng và tình hình hoạt động của Tổ hợp tác trên địa bàn theo Mẫu THT5 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; báo cáo định kỳ 6 tháng gửi Phòng Tài Chính – Kế hoạch và các Phòng quản lý chuyên ngành có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 5 tháng 7 và 5 tháng 1 hàng năm.

Chương IV.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về Hợp tác xã, Tổ hợp tác, các chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, Tổ hợp tác và Quy chế này được xem xét tuyên dương, khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp của Hợp tác xã, Tổ hợp tác thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các Sở, ngành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức hiệp hội liên quan đến Hợp tác xã, Tổ hợp tác thuộc tỉnh thực hiện việc vận động, hướng dẫn các Hợp tác xã, Tổ hợp tác tự giác chấp hành quy định của pháp luật; thực hiện công tác tuyên truyền, vận động phát triển Hợp tác xã, Tổ hợp tác, nhằm thu hút nhiều thành viên tự nguyện tham gia thành lập Hợp tác xã, Tổ hợp tác để tổ chức sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế gia đình và tham gia các hoạt

động xã hội; tham gia, đề xuất với các cơ quan nhà nước những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Hợp tác xã, Tổ hợp tác; tổ chức đánh giá, bình chọn và khen thưởng Hợp tác xã, Tổ hợp tác tiêu biểu trên địa bàn tỉnh.

2. Trong quá trình thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế này, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải chủ động phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để hướng dẫn xử lý hoặc tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị